



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1576

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 29/09/2026 đến ngày 05/10/2026)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

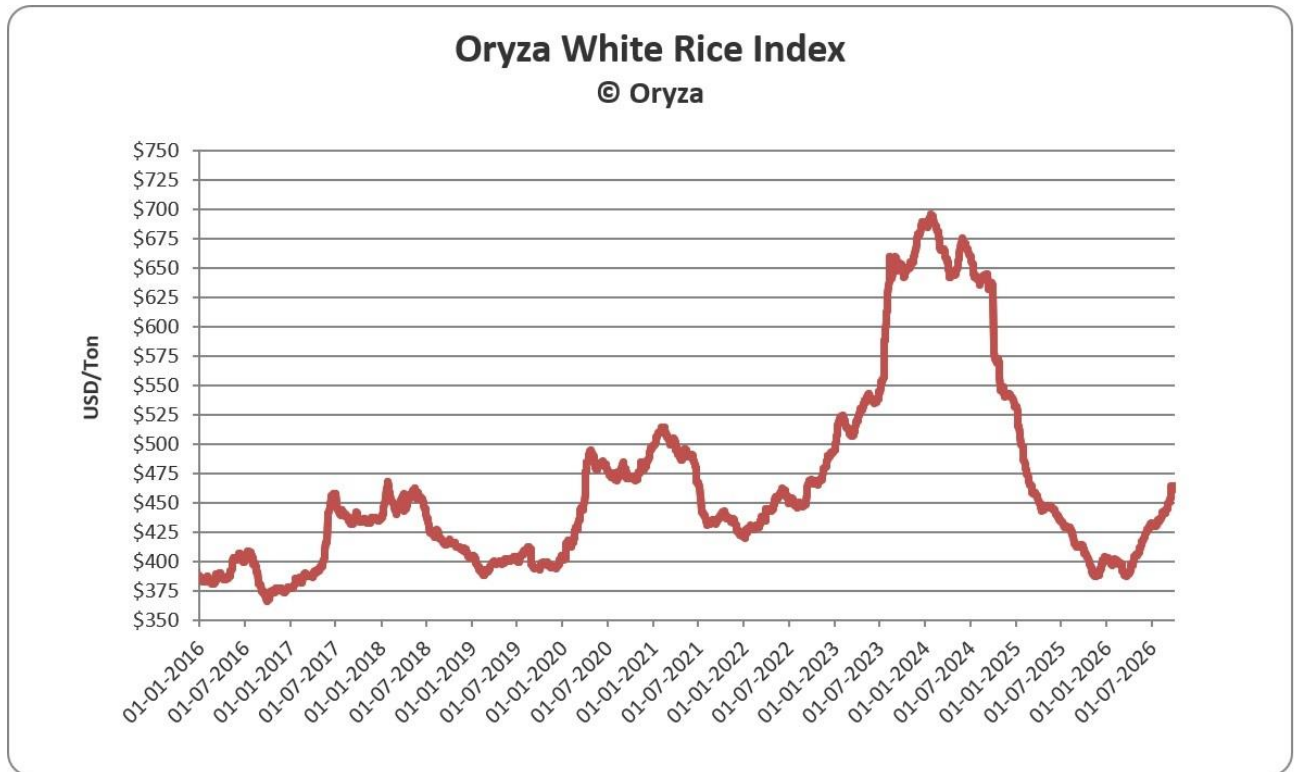
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

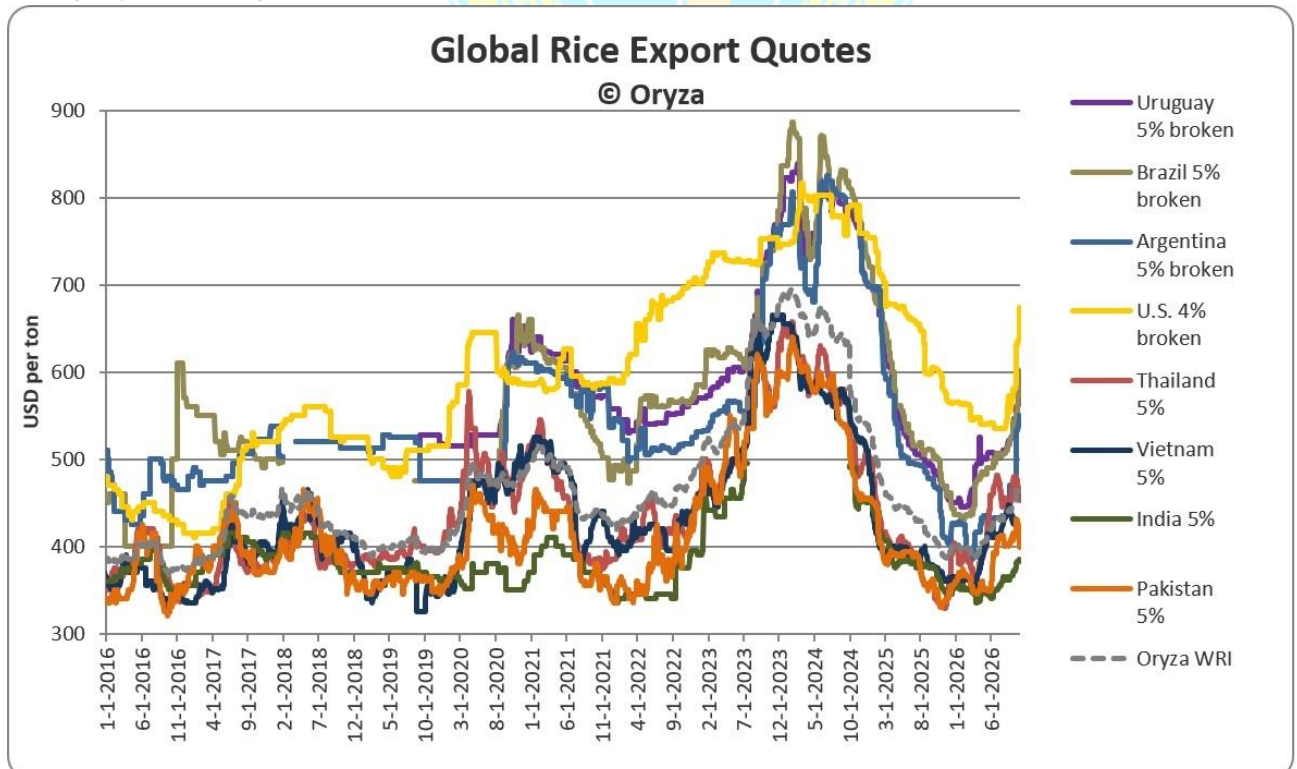
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	29 – 09		30 – 09		01 – 10		02 – 10	
		min	max	min	max	Min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	470	474	464	468	464	468	460	464
	5% tấm	459	463	455	459	455	459	451	455
	25% tấm	428	432	426	430	426	430	424	428
	Hom Mali 92%	1147	1151	1147	1151	1147	1151	1145	1149
	Gạo đỏ 100% Stxd	475	479	469	473	469	473	463	467
	A1 Super	380	384	381	385	381	385	382	386
VIỆT NAM	5% tấm	420	424	420	424	420	424	415	419
	25% tấm	401	405	400	404	400	404	398	402
	Gạo thơm 5% tấm	440	445	440	445	440	445	440	445
	Jasmine	514	518	515	519	515	519	515	519
	100% tấm	371	375	371	375	371	375	381	385
ẤN ĐỘ	5% tấm	381	385	382	386	382	386	383	387
	25% tấm	371	375	372	376	372	376	373	377
	Gạo đỏ 5% Stxd	380	384	381	385	381	385	381	385
	100% tấm Stxd	323	327	326	330	326	330	326	330
PAKISTAN	5% tấm	422	426	409	413	409	413	397	401
	25% tấm	397	401	385	389	385	389	373	377
	100% tấm Stxd	325	329	322	326	322	326	317	321
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	455	459	455	459	455	459	450	454
MỸ	4% tấm	638	642	644	648	644	648	672	676
	15% tấm (Sacked)	633	637	633	637	633	637	698	702
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	888	892	888	892	888	892	890	894

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



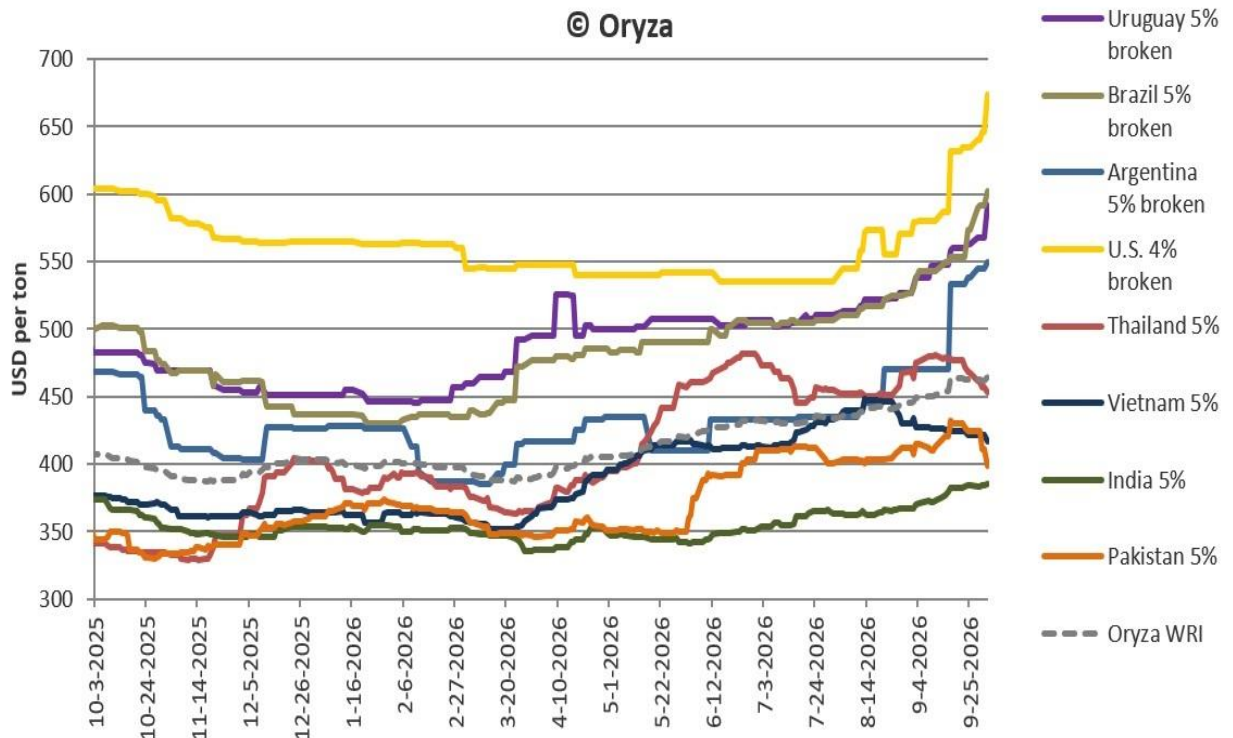
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 464 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn so với tuần trước và tăng 18 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 57 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

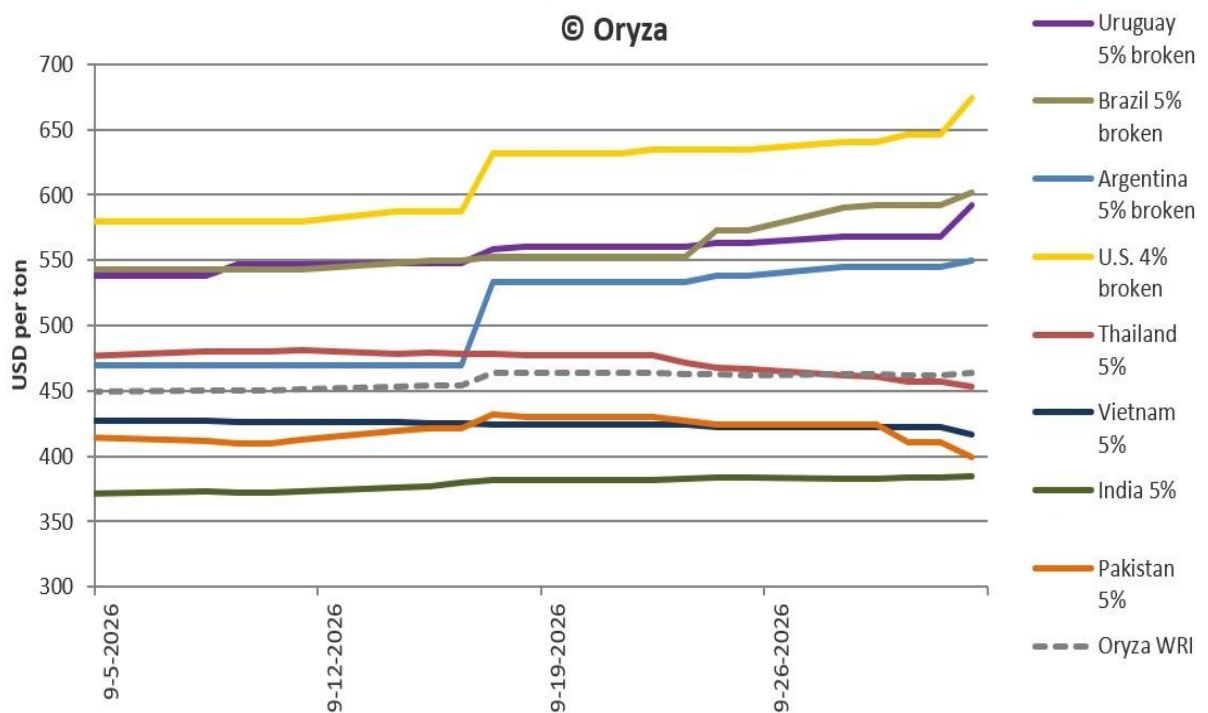
© Oryza

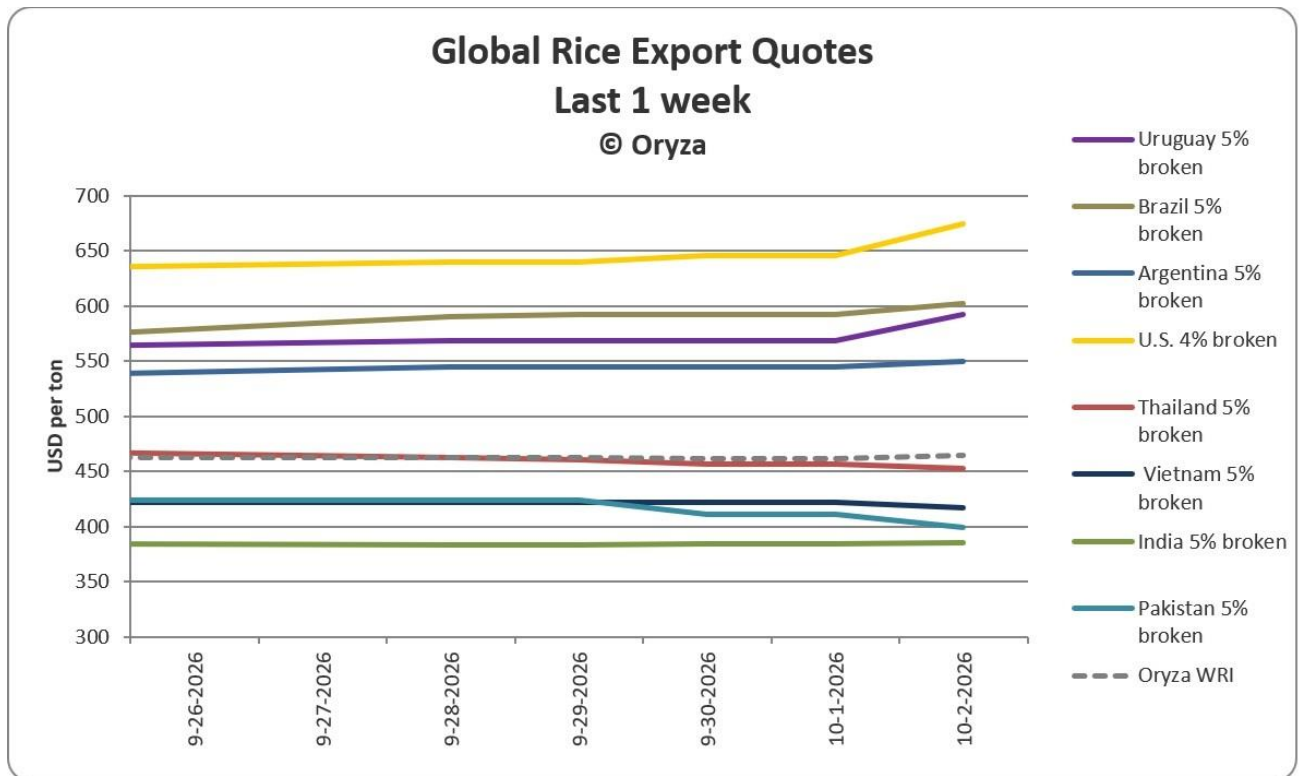


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





Các báo cáo Giám sát mùa vụ GEOGLAM tháng 10/2026 cho thấy tình hình lúa gạo tại các quốc gia sản xuất lớn ở châu Á có sự khác biệt, với rủi ro liên quan đến thời tiết gia tăng thay vì xuất hiện tình trạng mất mùa trên diện rộng toàn cầu. Vụ lúa Kharif của Ấn Độ nhìn chung đang có điều kiện thuận lợi, tuy nhiên lượng mưa gió mùa suy giảm, mực nước hồ chứa thấp và dự báo lượng mưa dưới mức trung bình là những yếu tố đáng lo ngại. Trung Quốc, Nhật Bản và Sri Lanka vẫn duy trì điều kiện tương đối tốt, trong khi Pakistan đang phát triển thuận lợi mặc dù xảy ra lũ lụt cục bộ và tình trạng thiếu nước. Thái Lan, Campuchia, Miến Điện, Việt Nam và Philippines chịu áp lực lớn hơn do hạn hán, lũ lụt, mưa lớn, bão xoáy và công tác chăm sóc cây trồng suy giảm; trong đó Campuchia chịu ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng, với sản lượng ước tính thấp hơn 23% so với năm trước. Vụ lúa mùa khô của Indonesia nhìn chung vẫn thuận lợi, mặc dù diện tích gieo trồng giảm 2,7% và quốc gia này dễ bị ảnh hưởng bởi hiện tượng El Niño đang mạnh lên. Nhìn chung, các báo cáo cho thấy biến động thời tiết, đặc biệt là El Niño có thể ngày càng tác động đến sản xuất lúa gạo tại châu Á, khiến Campuchia, Thái Lan, Miến Điện, Việt Nam, Philippines và một số khu vực của Ấn Độ trở thành những khu vực cần theo dõi.

Chỉ số giá gạo toàn cầu (FARPI) của FAO đã tăng 1,4% so với tháng trước, lên 110,5 điểm trong tháng 9/2026, được thúc đẩy bởi mức tăng 2,6% của giá gạo Indica, đạt mức cao nhất trong 20 tháng. Giá xuất khẩu của Ấn Độ, Pakistan và Thái Lan tăng, trong khi giá gạo Việt Nam giảm do nhu cầu yếu.

Giá của các phân khúc gạo khác giảm do nhu cầu trầm lắng và nguồn cung từ vụ mùa mới được đưa ra thị trường. Trong 9 tháng đầu năm, FARPI bình quân đạt 105,5 điểm, nhỉnh hơn nhẹ so với mức 105,1 điểm cùng kỳ năm trước.

Trong bản cập nhật ngày 2/10 của FAO dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 đạt 552,5 triệu tấn, giảm so với mức dự báo 553,1 triệu tấn trước đó và thấp hơn mức 566,1 triệu tấn của niên vụ 2025/26, chủ yếu do triển vọng sản xuất tại Ấn Độ suy yếu. Tổng nguồn cung gạo toàn cầu được dự báo đạt 776,6 triệu tấn, trong khi mức sử dụng được duy trì ở 559,0 triệu tấn. Tồn kho cuối kỳ được điều chỉnh tăng lên 216,9 triệu tấn, mặc dù vẫn thấp hơn mức 224,2 triệu tấn của niên vụ trước. Tỷ lệ tồn kho trên sử dụng của thế giới được dự báo ở mức 38,3%, cho thấy nguồn cung toàn cầu vẫn tương đối dồi dào mặc dù sản lượng giảm. Thương mại gạo toàn cầu được dự báo đạt 61,2 triệu tấn, với FAO kỳ vọng thương mại sẽ phục hồi trong năm 2027.

Philippines

Cục Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines, ông William Dar cảnh báo rằng lượng dự trữ gạo hạn chế của nước này có thể tạo ra rủi ro đối với an ninh lương thực khi El Niño được dự báo sẽ làm sản lượng gạo giảm khoảng 12%. Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) chỉ thu mua 92.032 tấn lúa trong 9 tháng đầu năm 2026, thấp hơn nhiều so với mục tiêu ban đầu là 790.000 tấn, mặc dù cơ quan này đặt mục tiêu đạt ít nhất 500.000 tấn vào cuối năm. Ông Dar khuyến nghị xây dựng lượng dự trữ gạo tương đương 30 ngày tiêu dùng trong giai đoạn đầu, sau đó tăng lên 60 và 90 ngày, trong khi NFA đang đề nghị 10,363 tỷ peso để xây dựng 36 kho chứa hiện đại và cải tạo 128 kho hiện có.

NFA của Philippines đang tăng cường thu mua gạo bằng cách đưa ra mức giá cạnh tranh hơn cho nông dân, nhằm mua tới 500.000 tấn lúa trong vụ mùa mưa và khôi phục lượng dự trữ gạo của Chính phủ. Động thái này diễn ra trong bối cảnh nước này chuẩn bị ứng phó với tác động có thể xảy ra của El Niño mạnh, có thể gây gián đoạn sản xuất nông nghiệp và nguồn nước vào cuối năm 2026 và trong năm 2027. Cùng với việc nâng giá thu mua, NFA đang mở rộng năng lực lưu trữ để tiếp nhận thêm hàng tồn kho. Chiến lược rộng hơn là tăng cường lượng gạo dự trữ của quốc gia, sau khi một lượng tồn kho lớn đã được giải phóng đáng kể thông qua các chương trình gạo trợ giá, đồng thời giảm nguy cơ thiếu hụt nguồn cung và áp lực giá trong tương lai.

Philippines đang chuẩn bị cho khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn cung gạo, khi El Niño có thể tăng cường thành một hiện tượng rất mạnh trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 12/2026 và kéo dài sang nửa đầu năm 2027, làm gia tăng nguy cơ hạn hán, sản lượng nông nghiệp giảm và thiếu nước. Chính phủ đang tăng cường hệ thống thủy lợi, nghiên cứu sử dụng máy bơm nước ngầm chạy

bằng năng lượng mặt trời, điều chỉnh lịch thời vụ và mở rộng năng lực kho chứa để xây dựng lượng gạo dự trữ. Rủi ro này đáng kể vì Philippines ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu, với 3,37 triệu tấn được nhập khẩu trong năm 2025 và lượng nhập khẩu có thể đạt 5,6 triệu tấn trong năm 2026. Trong khi Chính phủ ban đầu ước tính El Niño có thể làm sản lượng lúa giảm khoảng 700.000 tấn, lượng mưa và mực nước các hồ đập được cải thiện đã khiến ước tính trong kịch bản xấu nhất được điều chỉnh xuống khoảng 300.000–400.000 tấn, theo Bộ Nông nghiệp. Mặc dù còn nhiều bất định, Chính phủ dự kiến tiếp tục duy trì nhập khẩu gạo trong năm 2026 để bảo đảm nguồn cung trong nước trước vụ thu hoạch đầu năm 2027.

Trung Quốc

Trung tâm Khí hậu Quốc gia Trung Quốc dự báo El Niño hiện nay sẽ tăng cường thành một “siêu El Niño” đặc biệt mạnh, có khả năng là mạnh nhất kể từ khi bắt đầu có các hồ sơ ghi nhận dữ liệu bằng thiết bị, với nhiệt độ mặt nước biển được dự báo đạt cao hơn 3,2°C–3,5°C so với mức trung bình tham chiếu vào khoảng tháng 11. Hiện tượng này đã tác động đến mùa lũ của Trung Quốc và có thể tiếp tục ảnh hưởng đến thời tiết toàn cầu trong năm tới. Đối với các thị trường nông sản, mối quan ngại lớn là sự gián đoạn trong mô hình lượng mưa, trong đó một số khu vực phải đối mặt với hạn hán trong khi các khu vực khác có lượng mưa quá mức, có khả năng ảnh hưởng đến việc gieo trồng, năng suất lúa, nguồn nước và dòng chảy xuất khẩu tại các khu vực sản xuất lớn ở châu Á và châu Mỹ.

Malaysia

Bernama đưa tin Malaysia đang kêu gọi chính quyền các bang quy hoạch và bảo vệ các khu vực trồng lúa, khi tỷ lệ tự cung gạo (SSR) của nước này giảm từ 68% năm 2018 xuống 54,3% năm 2025. Sự suy giảm này một phần liên quan đến việc diện tích trồng lúa bị thu hẹp. Malaysia ước tính đã nhập khẩu 1,416 triệu tấn gạo, trị giá 2,953 tỷ ringgit (khoảng 690 triệu USD) trong năm 2025, cho thấy sự phụ thuộc ngày càng tăng vào nguồn cung từ nước ngoài. Chính phủ có kế hoạch tăng cường bảo vệ đất sản xuất lương thực bằng cách đưa các khu vực trồng lúa vào quy hoạch phân khu của bang và địa phương. Chính phủ cũng dự kiến quy hoạch chính thức 24 khu vực nông sản thực phẩm, bao gồm các khu sản xuất lương thực lâu dài, đồng thời áp dụng thêm các cơ chế bảo vệ tại Sabah và Sarawak. Chính phủ cũng cho biết muốn nâng tỷ lệ SSR gạo lên ít nhất 80%, với các biện pháp tập trung vào mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất và tăng cường ứng dụng công nghệ.

Nhật Bản

Thị trường gạo Nhật Bản đã chuyển nhanh từ thiếu hụt sang dư thừa trong hai năm qua do tác động của thời tiết, nhu cầu thay đổi và sản lượng tăng khi giá cao. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu, lao động nông nghiệp già hóa và diện tích đất bỏ hoang tiếp tục là rủi ro dài hạn đối với nguồn cung.

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã phân bổ 837 tấn gạo trong đợt đấu thầu mua bán đồng thời SBS lần thứ ba theo CPTPP cho năm tài khóa 2026/27, được tổ chức ngày 29/9/2026, so với 1.240 tấn mà cơ quan này dự kiến nhập khẩu. Toàn bộ lượng gạo được phân bổ là gạo nguyên hạt, với hồ sơ dự thầu được nộp cho toàn bộ 837 tấn. MAFF cho biết sẽ tiến hành một quy trình báo giá bổ sung vào ngày 30/9 đối với lượng chưa được phân bổ còn lại. Đợt đấu thầu này nằm trong các cam kết của Nhật Bản theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), gồm 11 quốc gia thành viên.

Nguồn cung và tồn kho tăng đang kéo giá gạo Nhật Bản giảm; giá bán lẻ bình quân còn 2.971 yen/5 kg, trong khi tồn kho tư nhân đạt 1,62 triệu tấn trong tháng 7.

Năm 2026/27, sản lượng dự báo 7,37 triệu tấn, tiêu dùng 7,94 triệu tấn, nhập khẩu 686.000 tấn, tồn kho cuối kỳ 2,52 triệu tấn và xuất khẩu 80.000 tấn. Chính phủ dự kiến mua 210.000 tấn để bổ sung dự trữ.

Theo The Japan Times, dư cung tiếp tục gây áp lực lên giá khi tồn kho vụ 2025 đạt 2,43 triệu tấn, sản lượng 2026 dự kiến 7,54 triệu tấn, cao hơn nhu cầu 7,11 triệu tấn; triển vọng giá vẫn chưa chắc chắn.

Indoneisa

Giá gạo của Indonesia được dự báo sẽ duy trì ở mức cao kỷ lục cho đến đầu năm 2027 do mưa đến muộn, thời tiết khô hạn liên quan đến El Niño, những điểm nghẽn trong phân phối và các biện pháp kiểm soát giá làm hạn chế nguồn cung. Giá bán lẻ đạt mức kỷ lục 15.769 rupiah/kg trong tháng 9, trong khi sản lượng gạo năm 2026 được dự báo giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù lượng dự trữ của Chính phủ vẫn đáng kể, phần lớn lượng dự trữ đã được dành cho viện trợ lương thực và các mục đích chiến lược, trong khi mức giá bán lẻ trần thấp đang khiến các nhà bán lẻ không muốn tích trữ nguồn cung. Với khoảng 30% diện tích ruộng lúa không có hệ thống tưới tiêu và một số nông dân đã bắt đầu giảm diện tích canh tác, sản lượng gạo có thể tiếp tục giảm vào năm 2027, có khả năng giảm khoảng 10%. Các nhà phân tích dự kiến giá sẽ duy trì ở mức cao đến tháng 3/2027, và khả năng giảm giá chỉ xuất hiện từ tháng 4 khi nguồn cung từ vụ thu hoạch bị trì hoãn được đưa ra thị trường.

Theo Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS), sản lượng gạo của Indonesia được dự báo giảm 2,82% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 32,34 triệu tấn trong giai đoạn tháng 1–11/2026. Mức giảm được dự báo tập trung trong giai đoạn tháng 9–11, khi sản lượng dự kiến đạt 7,06 triệu tấn, giảm 11,95% so với một năm trước, chủ yếu do sâu bệnh, lũ lụt, hạn hán và sự thay đổi về thời điểm thu hoạch. Điều này diễn ra mặc dù sản lượng trong giai đoạn tháng 1–8 đạt 25,29 triệu tấn, cao hơn nhẹ so với năm trước.

Hàn Quốc

Hàn Quốc đang chứng kiến việc sử dụng ngày càng phổ biến gạo hạt dài được phát triển trong nước, trong đó cửa hàng Chipotle tại Seoul sử dụng IPS, một giống indica được phát triển trong nước và trồng tại Haenam. Được phát triển bởi giáo sư Chin Joong-hyoun thuộc Đại học Sejong, IPS có hạt dài hơn và ít dính hơn, phù hợp với các món ăn như cơm burrito, cơm chiên, cơm pilaf và cà ri. Được phát triển một phần để ứng phó với biến đổi khí hậu và những thay đổi trong điều kiện sản xuất nông nghiệp, giống này được đưa vào sản xuất thương mại từ năm 2021 và hiện được bán qua các kênh bán lẻ. Chính phủ cũng đang đầu tư 19 tỷ won cho nghiên cứu và phát triển các giống gạo hạt dài và công nghệ sản xuất đến năm 2029. Xu hướng này phản ánh nỗ lực của Hàn Quốc trong việc đa dạng hóa ngoài gạo hạt ngắn truyền thống và mở rộng ngành gạo hạt dài trong nước.

Theo Tổng công ty Thương mại Nông nghiệp, Thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC), Hàn Quốc đã phân bổ 114.833 tấn gạo trong đợt đấu thầu TRQ lần thứ bảy năm 2026, kết thúc ngày 15/9. Trung Quốc giành được phần lớn nhất với 57.222 tấn gạo lứt hạt ngắn, với giá 899,40–904,91 USD/tấn, tiếp theo là Hoa Kỳ với 36.111 tấn gạo xay xát và gạo lứt hạt trung, với giá 856,03–1.048,02 USD/tấn. Việt Nam trúng thầu 10.000 tấn gạo tấm hạt dài với giá 435,90 USD/tấn, trong khi Thái Lan giành được 11.500 tấn gạo tấm hạt dài và gạo thơm, với giá 481,50–1.193,00 USD/tấn.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 592 USD/tấn, tăng khoảng 29 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 60 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 109 USD/tấn so với một năm trước.

Argentina, gạo 5% hiện được chào giá khoảng 550 USD/tấn, tăng khoảng 12 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 80 USD/tấn so với một tháng trước và một năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 602 USD/tấn, tăng khoảng 29 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 72 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 102 USD/tấn so với một năm trước

Tháng 10, miền Nam và Đông Nam Brazil dự kiến mưa cao hơn trung bình, trong khi miền Bắc, Đông Bắc và Trung Tây có thể khô hơn. Mưa nhiều hỗ trợ độ ẩm và gieo trồng nhưng có thể gây khó khăn cho sản xuất lúa tại Rio Grande do Sul. Đến 25/9, 15,5% diện tích lúa đã gieo trồng, nhanh hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước và bình quân 5 năm; tại Santa Catarina, gần 1/3 diện tích đã gieo trồng.

Paraguay, nguồn cung lúa dồi dào, sản lượng 2025 đạt khoảng 1,445 triệu tấn và năm 2026 dự báo 1,30 triệu tấn, đều cao hơn mức bình quân. Nguồn cung lớn hỗ trợ xuất khẩu nhưng khiến giá gạo bán buôn giảm, khoảng 10% từ tháng 3–8/2026 và 15% so với cùng kỳ tháng 7; qua đó góp phần hạ lạm phát lương thực.

Colombia, mở thầu hạn ngạch thuế quan 22.585 tấn gạo Hoa Kỳ, với thời hạn nộp hồ sơ ngày 1/10/2026 và giao hàng từ 15/10–31/12/2026, bao gồm gạo lúa, lúa lứt, gạo xay xát và gạo tấm.

Haiti, sản lượng lúa Haiti năm 2026 dự báo giảm 11,1% xuống 120.000 tấn do bất ổn, chi phí sản xuất cao, đất bỏ hoang và thời tiết khô hạn do El Niño. Nhu cầu nhập khẩu ngũ cốc 2026/27 dự kiến trên 1 triệu tấn, trong khi giá gạo nhập khẩu vẫn cao hơn mức bình quân 5 năm và lạm phát lương thực ở mức 19% trong tháng 7/2026.

Hoa Kỳ

Gạo tấm 4% hiện được chào giá khoảng 674 USD/tấn, tăng khoảng 39 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 95 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 70 USD/tấn so với một năm trước.

Hoa Kỳ và Trung Quốc đã công bố các danh mục giảm thuế đối với khoảng 30 tỷ USD hàng hóa theo thỏa thuận thương mại đối ứng mới nhất. Danh mục của Hoa Kỳ bao gồm 1.619 sản phẩm của Trung Quốc, trong khi danh mục của Trung Quốc bao gồm 77 sản phẩm của Hoa Kỳ, với Trung Quốc cho biết khoảng 90% các mặt hàng được liệt kê có thể được giảm thuế xuống mức thuế suất tối huệ quốc (MFN). Danh mục của Trung Quốc bao gồm gạo Hoa Kỳ và các sản phẩm nông nghiệp khác, có khả năng cải thiện khả năng cạnh tranh của gạo Hoa Kỳ trên thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, mức thuế chính xác và thời điểm thực hiện vẫn chưa được công bố, do đó tác động thực tế đối với xuất khẩu gạo của Hoa Kỳ và cạnh tranh giữa các nhà cung cấp toàn cầu sẽ phụ thuộc vào các chi tiết cuối cùng.

USDA cho biết doanh số xuất khẩu ròng gạo của Hoa Kỳ cho niên vụ 2026/27 đạt 150.600 tấn trong tuần kết thúc ngày 24/8, với mức tăng lớn nhất từ Hàn Quốc (44.400 tấn), Nhật Bản (26.000 tấn), Mexico (17.100 tấn), Haiti (15.200 tấn) và Israel (14.200 tấn), được bù trừ một phần bởi mức giảm 300

tấn của Mexico. Trong khi đó, lượng gạo xuất khẩu đã giao đạt 85.600 tấn, dẫn đầu là các lô hàng đến Iraq (44.000 tấn), Mexico (25.300 tấn), Saudi Arabia (9.400 tấn), Hàn Quốc (3.500 tấn) và Canada (2.300 tấn).

Châu Âu

Các nhà nghiên cứu và nông dân Hà Lan đang thử nghiệm liệu trồng lúa có thể giúp bảo vệ các vùng đất than bùn để bị tổn thương của Hà Lan, đồng thời mang lại cho nông dân một loại cây trồng thay thế hay không. Một dự án thí điểm quy mô nhỏ gần Amsterdam và The Hague đang trồng khoảng 30 giống lúa để xác định những giống phù hợp nhất với khí hậu Hà Lan, trong đó một giống lúa miền Bắc Nhật Bản hiện đang cho thấy triển vọng. Ý tưởng là duy trì độ ẩm cao hơn cho các vùng đất than bùn, qua đó có thể giảm quá trình phân hủy than bùn, sụt lún đất và phát thải carbon, đồng thời vẫn cho phép nông dân sản xuất cây trồng. Các nhà nghiên cứu đang đo lường phát thải carbon dioxide và methane để so sánh với đất đồng cỏ thông thường nhằm đánh giá lợi ích môi trường. Mặc dù dự án vẫn còn rất nhỏ và khả năng thương mại hóa vẫn chưa chắc chắn, sự quan tâm của các nhà hàng địa phương cho thấy gạo trồng tại Hà Lan cuối cùng có thể tạo ra một thị trường cao cấp cho các sản phẩm như gạo sushi và có thể cả rượu sake, kết hợp giữa thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và tạo thêm thu nhập cho nông dân.

Châu Phi

Nigeria và các quốc gia châu Phi khác đang đẩy nhanh việc đưa vào sử dụng các giống lúa cải tiến được đưa vào sử dụng để cho năng suất cao hơn, chịu được hạn hán và lũ lụt, đồng thời kháng sâu bệnh, với mục tiêu rộng hơn là tăng sản lượng trong nước và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu. Tại Nigeria, 5 giống mới—FARO 73, SG Rice 1, SG Rice 2, MIP 5803 và MIP 4802—được phê duyệt vào tháng 3/2026, sau khi các giống FARO 71 và FARO 72 được tăng cường vi chất, giàu kẽm, được đưa vào sản xuất. Trên toàn châu Phi, 33 giống lúa mới được đăng ký tại 15 quốc gia trong năm 2025, tăng từ 26 giống năm 2024, phản ánh nỗ lực ngày càng tăng nhằm thích ứng sản xuất lúa với điều kiện địa phương. Tuy nhiên, chỉ riêng giống cải tiến sẽ không đủ; nông dân cũng cần được tiếp cận ổn định với giống chất lượng, vật tư đầu vào có giá phải chăng, hệ thống tưới tiêu, cơ giới hóa, dịch vụ khuyến nông, kho bảo quản, cơ sở chế biến và thị trường ổn định để biến các giống cải tiến thành sản lượng cao hơn và giảm đáng kể sự phụ thuộc của châu Phi vào nhập khẩu gạo.

Báo cáo GIEWS mới nhất của FAO cho thấy bức tranh trái chiều đối với ngành lúa gạo và an ninh lương thực của Gambia. Sản lượng lúa năm 2025 tăng lên khoảng 57.000 tấn, từ mức 53.000 tấn năm 2024 và cao hơn mức bình quân 5 năm, nhờ thời tiết thuận lợi, giống cải tiến, phân bón được trợ giá và

khả năng tiếp cận máy móc tốt hơn. Trong năm 2026, những gián đoạn về lượng mưa đã làm chậm một số hoạt động gieo trồng, nhưng điều kiện được cải thiện sau đó đã giúp cây trồng phục hồi. Chính phủ, FAO và Trung Quốc cũng đã triển khai một dự án 24 tháng về lúa và kê nhằm tăng sản xuất trong nước và giảm sự phụ thuộc lớn của quốc gia này vào gạo nhập khẩu. Trong khi đó, giá gạo nhập khẩu giảm 10–15% từ tháng 4 đến tháng 7/2026, xuống mức thấp hơn tới 15% so với năm trước. Tuy nhiên, tình trạng mất an ninh lương thực vẫn là mối quan ngại, với khoảng 262.000 người (11% dân số được phân tích) phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực ở mức Khủng hoảng hoặc nghiêm trọng hơn trong giai đoạn giáp hạt tháng 6–8/2026, chủ yếu do sức mua của các hộ gia đình yếu và tác động của các đợt khô hạn cục bộ, lũ lụt và cháy rừng đến sinh kế.

Trung Đông

Nhập khẩu gạo Ấn Độ của Saudi Arabia giảm khoảng 7%, xuống 1,28 triệu tấn trong niên vụ 2025–26, so với 1,38 triệu tấn một năm trước, trong khi giá trị nhập khẩu giảm 19%, xuống khoảng 1,07 tỷ USD. Mặc dù có sự sụt giảm này, gạo, chủ yếu là gạo basmati, vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong các mặt hàng nông sản mà Ấn Độ xuất khẩu sang Ả Rập Xê Út, với tổng giá trị khoảng 1,8 tỷ USD mỗi năm.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 385 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, tăng 18 USD/tấn so với tháng trước và tăng 11 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo trắng tuần qua ổn định nhờ nhu cầu mua từ châu Phi, giao hàng tháng 10. Phân khúc gạo basmati có khuynh hướng tăng do các thương nhân tập trung thu mua gạo nguyên liệu để hoàn tất các hợp đồng đã ký trong bối cảnh tồn kho trong nước còn hạn chế.

Thị trường cho biết giá gạo phi basmati hiện có khuynh hướng tăng và chi phí logistics cao, tiếp tục là yếu tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của nguồn cung này.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 453 USD/tấn, lần lượt giảm 14 USD/tấn so với tuần trước và 11 USD/tấn so với tháng trước, tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước tăng khoảng 113 USD/tấn.

Thị trường gạo đồ kết thúc tuần tiếp tục xu hướng giảm nhẹ do nhu cầu mới chậm, người mua kỳ vọng giá giảm thêm. Đối với phân khúc gạo trắng 5% tấm, một số thương nhân cho biết nhu cầu mới từ Malaysia trong tuần còn hạn chế do phần lớn nhu cầu gạo giao hàng trong tháng 10 đã được đáp ứng.

Tuần qua, lũ lụt tại nhiều khu vực ở nước này đã gây gián đoạn vận chuyển và giao hàng, ảnh hưởng đến hoạt động thương mại gạo. Khu vực Đông Bắc hiện đang bước vào vụ thu hoạch mới. Một số thương nhân cho rằng mưa trong giai đoạn tháng 10–11 có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng lúa.

Pakistan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 399 USD/tấn, lần lượt giảm 25 USD/tấn so với tuần trước khoảng 8 USD/tấn so với tháng trước, tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước tăng khoảng 51 USD/tấn.

Thị trường gạo kết thúc tuần giảm nhẹ do nhu cầu quốc tế yếu và áp lực nguồn cung vụ mới gia tăng. Chi phí vận chuyển sang châu Phi cao tiếp tục làm giảm khả năng cạnh tranh của gạo của nước này, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động thương mại gạo. Thị trường đang chờ nhu cầu cải thiện từ các khách hàng khác như Đông Phi và Trung Quốc.

Miền Điện

Thị trường gạo tuần qua ảm đạm do nhu cầu xuất khẩu yếu, người mua tiếp tục thận trọng và chờ giá giảm thêm. Nguồn cung gạo trắng hạt dài vẫn còn hạn chế do độ ẩm của lúa vụ mới cao, lượng gạo đạt tiêu chuẩn chưa nhiều. Mưa lớn gần đây cũng làm chậm tiến độ thu hoạch, tuy nhiên chưa ghi nhận ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	29 – 09	30 - 09	01 - 10	02 – 10	05 – 10
Trung Quốc (CNY/USD)	6,71	6,71	6,71	6,71	6,71
Châu Âu (EUR/USD)	0,88	0,88	0,88	0,89	0,89
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	18.016,03	17.964,26	17.914,33	17.992,91	17.904,18
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,08	4,08	4,08	4,09	4,09
Philippines Peso (PHP/USD)	62,51	62,65	62,73	62,81	62,58
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.360,34	1.355,72	1.355,97	1.365,01	1.343,18
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	157,44	157,53	157,26	157,65	157,91
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,99	95,94	95,90	96,33	96,29

Miền Điện (MMK/USD)	2.099,37	2.099,60	2.099,78	2.099,88	2.099,46
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,11	277,09	277,16	277,22	277,05
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,62	33,58	33,61	33,70	33,58
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25.958,31	25.978,28	25.968,50	25.999,36	25.988,22

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 05/10/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,22 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 1,15 triệu ha với năng suất khoảng 60,34 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,946 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 497 ngàn ha/633 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 79%, thu hoạch được khoảng 64 ngàn ha, với năng suất ước 62,49 tạ/ha, sản lượng 400 ngàn tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 – 05/10/2026 có 1 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 3.500 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Mike Thomas	HCM	22/09/2026	50.000	Châu phi
2	MD Sea	HCM	26/09/2026	11.000	Philippines
3	Minh Anh 08	HCM	05/10/2026	3.500	Malaysia
Tổng				64.500	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	01/10	+/-	01/10	+/-	01/10	+/-	01/10	+/-	01/10	+/-	01/10	+/-	01/10	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.150	-	5.900	-	5.900	-	5.950	-	5.900	-	6.250	+100	6.250	+100	6.250	6.043
Lúa thường	5.950	-	5.800	-	5.800	+50	5.850	+50	5.800	-	5.950	-	5.850	-	5.950	5.857
<u>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.550	-	7.250	-	7.255	-	7.250	-	8.750	-			7.950	+200	8.750	7.668
Lúa thường	7.350	-	7.150	-	6.890	+55	7.150	-	8.200	-			7.050	-	8.200	7.298
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.250	+150	9.150	+100	9.075	+25	9.200	+100			9.450	+100	9.450	9.146
Lứt loại 2	8.650	-	8.750	-	8.750	+25	8.775	+25	8.750	-	8.950	-	8.950	-	8.950	8.796
Xát trắng loại 1			10.400	+250			9.775	+25	10.525	-	10.525	-	10.250	+200	10.525	10.295
Xát trắng loại 2			9.950	-			9.750	-25	9.950	-	9.950	-	9.750	+100	9.950	9.870
<u>Phu Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.750	+200	8.700	+100	8.700	+50	8.675	75	8.800	+100	8.800	+100	8.750	+100	8.800	8.739
Tấm 2/3			8.600	+150	8.700	+25			8.500	-			8.350	+100	8.700	8.538
Tấm 3/4	8.350	-	8.550	+150	8.550	+25							8.350		8.550	8.450
Cám xát	7.550	+200	7.450	-	7.600	+200	7.550	75	7.550	+25	7.600	+75	7.450	+100	7.600	7.536
Cám lau	7.550	+200	7.350	-	7.600	+200	7.550	-	7.550	+25	7.600	+50	7.550	+100	7.600	7.536
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	10.100	-100	10.550	-	9.900	-100	10.100	-100	10.450	-	10.550	-	10.250	+200	10.550	10.271
10%			10.450	-					10.700	-			10.150		10.700	10.433
15%	9.900	-100	10.350	-	9.700	-100	9.900	-100	10.500	-	10.500	-	9.950	+200	10.500	10.114
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	9.700	-100	9.750	-	9.500	-100	9.700	-100	9.900	-	9.900	-	9.650	+200	9.900	9.729
